

Thứ Năm, 08/03/2012 02:09

[Tanzania](#) [1]

1 Đặc điểm kinh tế tổng quan:

Nền kinh tế Tanzania phụ thuộc vào nông nghiệp. Kỹ thuật canh tác lạc hậu, sản lượng thấp nên hàng năm phải nhập khẩu lương thực. Cơ giới hoá chỉ tập trung ở các nông trường, đồn điền, trang trại của tư bản ngoại quốc.

Về nông nghiệp: Tanzania đứng đầu thế giới về xuất khẩu sợi Sisal khoảng 181 000 tấn/năm. Ngoài ra, Tanzania còn có cà phê Arabica, bông, đinh hương, cùi dừa, hạt điều, thuốc lá, mía... Rừng cũng là một nguồn lợi lớn của Tanzania với sản lượng khai thác hàng năm hơn 30 triệu m³ gỗ.

Về khoáng sản: Tanzania có kim cương, đá quý, vàng, thiếc, magnesite, photphát, quặng sắt, niken....

Về công nghiệp: Tanzania có chủ trương phát triển công nghiệp nhẹ, trước hết là công nghiệp địa phương nhằm sử dụng nguyên liệu tại chỗ nhưng trên thực tế phụ thuộc nhiều vào các nước công nghiệp phát triển về máy móc, kỹ thuật. Sản phẩm công nghiệp gồm : đường, bia, thuốc lá, sợi sisal, khai thác vàng và kim cương, giấy dếp, xi măng, dệt may....

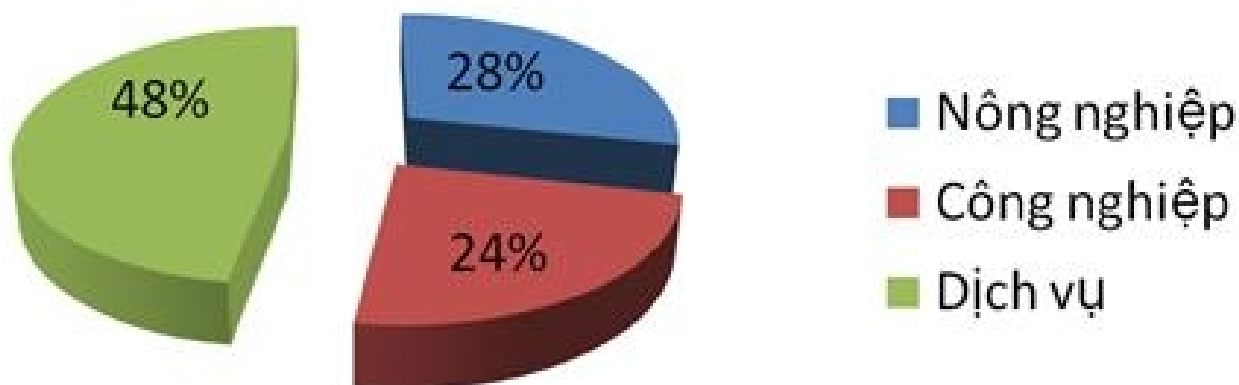
Về dịch vụ: Du lịch là một trong những ngành thu ngoại tệ lớn nhất và tăng trưởng nhanh trong nền kinh tế Tanzania. Riêng với đảo Zanzibia, du lịch là một lĩnh vực đầy tiềm năng.

2 GDP: \$62.22 tỷ (2010)

· Tốc độ tăng trưởng: 6.4%

· GDP/người: 1,500 USD (2010)

3 Cơ cấu GDP:



Lực lượng lao động: 21.86 triệu người phân chia như sau:

- Nông nghiệp: 80%
- Công nghiệp và dịch vụ: 20%

Thu/chi ngân sách:

- Thu: 4.263 tỷ USD
- Chi: 5.644 tỷ USD

6. Kim ngạch xuất nhập khẩu:

6.1. Xuất khẩu đạt: 3.809 tỷ USD

· Các mặt hàng XK chủ yếu : vàng (chiếm hơn 40% giá trị XK), cà phê, bông, sợi sisal, hạt điều, khoáng sản.

· Các bạn hàng XK chính : Ấn độ 8.51%, Trung Quốc 7.55%, Nhật 7.12%, Hà Lan 6.21%, UAE 5.71%, Đức 5.17%

6.2. Nhập khẩu đạt: 6.334 tỷ USD

· Các mặt hàng NK chủ yếu : lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, sản phẩm chế tạo (máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải), hoá chất, dược phẩm, nguyên liệu công nghiệp, dầu thô...

· Các bạn hàng NK chính : Ấn Độ 13.97%, Trung Quốc 13.71%, Nam Phi 7.8%, Kenya 6.89%, UAE 4.65%, Nhật 4.34%

7 Đơn vị tiền tệ: đồng Shilling Tanzania (TZS) : Tỷ giá: 1,423.3 TZS=1USD (2010)

8 Tỷ lệ lạm phát : 7.2%

9 Đầu tư nước ngoài:

Cùng với các hoạt động cải cách kinh tế nói chung, môi trường đầu tư ở Tanzania được cải thiện rõ rệt. Chính Phủ đang cố gắng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài với những biện pháp như thả nổi tỷ giá ngoại hối, cấp giấy phép cho các ngân hàng nước ngoài hoạt động và giảm bớt những thủ tục hành chính quan liêu trong thu hút đầu tư. Nhờ vậy, hoạt động đầu tư nước ngoài không ngừng gia tăng. Năm 1994, vốn FDI mới đạt 50,2 triệu USD thì đến năm 2001 con số này đã tăng lên 224,4 triệu USD. Các nhà đầu tư nhiều nhất vào Tanzania đến năm 2001 là Anh, Mỹ, Nam Phi. Trung Quốc đứng vị trí thứ tư với tổng vốn đầu tư tính đến năm 2001 đạt 112 triệu USD.

10. Thông tin về viễn thông, giao thông, hệ thống ngân hàng, thuế khoá:

· Điện thoại: 173,552 đường dây

· Điện thoại di động: 17.677 triệu

· Giao thông: Sân bay: 124

Sân bay có đường băng rải nhựa: 9

Sân bay có đường băng không rải nhựa: 115

Tanzania

Published on Tin Tuc Thuong Mai Xuat Nhap Khau (<http://thuongmai.vn>)

· Cảng biển: Dar es Salaam

Source URL: <http://thuongmai.vn/thong-ke/kinh-te-cac-quoc-gia/chau-phi-va-trung-dong/93312-tanzania.html>

Links:

[1] <http://thuongmai.vn/thong-ke/kinh-te-cac-quoc-gia/chau-phi-va-trung-dong/93312-tanzania.html>